

# 1 VIỆC SỬ DỤNG VỐN FDI Ở VIỆT NAM

## 1.1 MỞ ĐẦU

### 1.1.1 NỘI DUNG

## 1.2 Vai trò của FDI đến sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của Việt Nam

### 1.1.1. FDI bổ sung vốn cho nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Đầu tư là yếu tố vô cùng quan trọng tác động đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Vốn đầu tư cho phát triển kinh tế được huy động từ hai nguồn chủ yếu là vốn trong nước và vốn ngoài nước. Trong đó, vốn trong nước được hình thành thông qua tiết kiệm và đầu tư. Vốn nước ngoài được hình thành thông qua vay thương mại, đầu tư gián tiếp và hoạt động FDI. Đối với các nước nghèo hoặc các nước đang phát triển, thường xuyên lâm vào tình trạng thiếu vốn thì FDI lại càng đặc biệt quan trọng. FDI cung cấp một lượng vốn cần thiết cho nền kinh tế, thúc đẩy các nước này đầu tư để phát triển, hay nói cách khác, nguồn vốn FDI góp phần tạo ra “một cú huých lớn”, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giúp các nước nghèo và các nước đang phát triển thoát khỏi “vòng đói nghèo luân luân”.

### 1.1.2. FDI giúp tạo việc làm, cải thiện nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm là hai nhân tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Mục tiêu của nhà đầu tư nước ngoài là thu được lợi nhuận tối đa, củng cố chỗ đứng và duy trì thế cạnh tranh trên thị trường. Do đó, họ đặc biệt quan tâm đến việc tận dụng nguồn lao động rẻ ở các nước tiếp nhận đầu tư, làm cho số lao động trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp FDI ở các nước này ngày càng tăng nhanh. Ngoài ra, các hoạt động cung ứng dịch vụ và gia công cho các dự án FDI cũng tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân ở những nước được đầu tư này.

FDI cũng có tác động tích cực trong việc phát triển nguồn nhân lực của nước được đầu tư thông qua các dự án đầu tư vào lĩnh vực giáo dục. Các cá nhân làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có cơ hội học hỏi, nâng cao trình độ bản thân khi tiếp cận với công nghệ và kỹ thuật tiên tiến. Các doanh nghiệp FDI cũng có thể tác động tích cực đến việc cải thiện nguồn nhân lực ở các công ty khác mà họ có quan hệ, đặc biệt là các công ty bạn hàng. Thông qua các tác động kể trên, chất lượng nguồn nhân lực ở những nước nhận đầu tư càng tăng lên đáng kể, thậm chí còn có thể đạt hiệu quả lớn hơn khi người làm việc trong các doanh nghiệp FDI chuyển sang làm việc cho các doanh nghiệp trong nước hoặc tự mình thành lập doanh nghiệp mới.

### 1.1.3. FDI góp phần chuyển giao và phát triển công nghệ

Công nghệ là yếu tố quyết định tốc độ tăng trưởng và sự phát triển của mọi quốc gia. Bởi vậy, tăng cường khả năng công nghệ luôn là một trong những mục tiêu ưu tiên hàng đầu của mọi quốc gia, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển. Tuy nhiên, để thực hiện mục tiêu này đòi hỏi không chỉ nhiều vốn mà còn phải có một trình độ phát triển nhất định của khoa học – kỹ thuật.

Chính vì vậy, FDI (đầu tư trực tiếp nước ngoài) lại càng được coi là nguồn lực quan trọng để phát triển khả năng công nghệ của nước chủ nhà. Bởi vì các cơ sở vật chất, kỹ thuật công nghệ của các doanh nghiệp FDI cuối cùng cũng sẽ được chuyển giao lại cho nước tiếp nhận đầu tư. Tuy nhiên, khả năng phát triển công nghệ còn phụ thuộc vào quá trình chuyển giao công nghệ sẵn có từ bên ngoài vào và sự phát triển khả năng công nghệ của các sở nghiên cứu, ứng dụng của nước chủ nhà.

Chuyển giao công nghệ thông qua con đường FDI thường được thực hiện bởi các công ty xuyên quốc gia (TNC), dưới các hình thức chuyển giao trong nội bộ giữa các chi nhánh của một TNC và chuyển giao giữa các chi nhánh của các TNC. Phần lớn công nghệ được chuyển giao giữa các chi nhánh của các TNC sang nước chủ nhà thông qua các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh mà bên nước ngoài nắm phần lớn cổ phần dưới các hạng mục chủ yếu như tiến bộ công nghệ, công nghệ thiết kế và xây dựng, kỹ thuật kiểm tra chất lượng, công nghệ quản lý, công nghệ marketing.

Bên cạnh chuyển giao các công nghệ sẵn có, thông qua FDI, các TNC còn góp phần làm tăng năng lực nghiên cứu và phát triển (R&D) công nghệ của nước chủ nhà. Mặt khác, trong quá trình sử dụng các công nghệ nước ngoài (nhất là ở các doanh nghiệp liên doanh), các doanh nghiệp trong nước học được cách thiết kế, chế tạo từ công nghệ nguồn, sau đó cải tiến cho phù hợp với điều kiện sử dụng của mình. Đây là một trong những tác động tích cực quan trọng của FDI đối với việc phát triển công nghệ ở các nước đang phát triển.

#### 1.1.4. *FDI giúp mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu*

Xuất khẩu là yếu tố quan trọng của tăng trưởng. Nhờ đẩy mạnh xuất khẩu, những lợi thế so sánh các yếu tố sản xuất của nước chủ nhà được khai thác có hiệu quả hơn trong phân công lao động quốc tế. Thực tế hiện nay, các nước đang phát triển tuy có khả năng sản xuất với mức chi phí thấp nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc thâm nhập thị trường quốc tế. Do đó, khuyến khích đầu tư nước ngoài hướng vào xuất khẩu luôn là ưu đãi đặc biệt trong chính sách thu hút FDI của các nước này. Thông qua FDI, các nước tiếp nhận đầu tư có thể tiếp cận với thị trường thế giới, vì hầu hết các hoạt động FDI đều do các TNC có vị thế và uy tín trong hệ thống sản xuất và thương mại quốc tế thực hiện. Đối với các TNC, xuất khẩu cũng đem lại nhiều lợi ích thông qua việc sử dụng các yếu tố đầu vào rẻ, khai thác được hiệu quả theo quy mô sản xuất và thực hiện chuyên môn hóa sâu từng chi tiết sản phẩm ở những nơi có lợi thế nhất, sau đó lắp ráp thành phẩm.

#### 1.1.5. *FDI thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

Yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế không chỉ là đòi hỏi của bản thân sự phát triển nội tại nền kinh tế mà còn là đòi hỏi của xu hướng quốc tế hóa đời sống kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. FDI là một bộ phận quan trọng của hoạt động kinh tế đối ngoại, thông qua đó, các quốc gia tham gia ngày càng nhiều vào quá trình liên kết kinh tế giữa các nước trên thế giới, đòi hỏi mỗi quốc gia phải thay đổi cơ cấu kinh tế trong nước cho phù hợp với sự phân công lao động quốc tế. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia phù hợp với trình độ phát triển chung của thế giới sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho FDI hoạt động. Ngược lại, chính FDI cũng lại góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước chủ nhà, vì nó làm xuất hiện nhiều lĩnh vực và ngành nghề mới; nâng cao nhanh chóng trình độ kỹ thuật và công nghệ, phát triển năng suất lao động ở nhiều ngành kinh tế. Mặt khác, dưới tác động của FDI, một số ngành nghề được kích thích phát triển, nhưng cũng có một số ngành nghề bị mai một và dần bị xóa.

### 1.2.1 Hạn chế của việc sử dụng vốn FDI

*Thứ nhất*, thực tiễn thế giới cho thấy, dòng vốn FDI chỉ thực sự tích cực và góp phần làm dịu lạm phát khi chúng làm tăng cung những mặt hàng khan hiếm, tăng nhập khẩu phụ tùng thiết bị sản xuất và công nghệ tiên tiến, từ đó làm tăng tiềm lực xuất khẩu, khả năng cạnh tranh, cải thiện cán cân thanh toán, tăng thu ngân sách cho nước chủ nhà và giúp hạn chế sức ép tăng tỷ giá tiền tệ thực tế. Ngược lại, nếu thiên về khuynh hướng kích thích nền kinh tế bong bóng, kích thích và thoả mãn những tiêu dùng cao cấp vượt quá khả năng kinh tế và sự tích lũy cần thiết của nước tiếp nhận đầu tư, thì về lâu dài, chúng sẽ có hại cho các nguồn lực tăng trưởng kinh tế, tăng nhập siêu và làm mất cân đối tài khoản vãng lai, do đó làm tăng các xung lực lạm phát tương lai của đất nước.

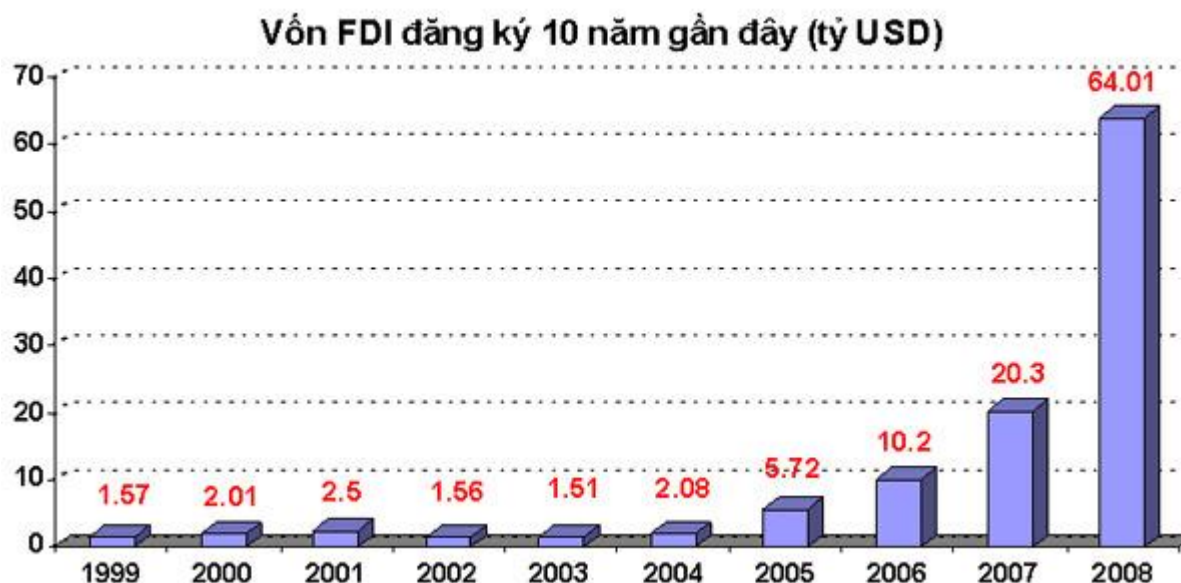
*Thứ hai*, nếu việc chuyển giao công nghệ (cả phần “cứng” lẫn phần “mềm”) không được thực hiện đầy đủ, hoặc chỉ chuyển giao những công nghệ lạc hậu, thì mặc nhiên “những lợi thế tương đối của nước bắt đầu muộn” sẽ bị tước bỏ – đó là một mặt. Mặt khác, khi đó nước tiếp nhận không chỉ không cải thiện được tình trạng công nghệ, khả năng xuất khẩu, mà còn phải chịu thêm gánh nặng nuôi dưỡng và đỡ bỏ những công nghệ “bắt cập” này theo kiểu “bỏ thì vương, thương thì tội”. Ngoài ra, còn phải kể thêm tình trạng phụ thuộc một chiều vào đối tác nước ngoài về kinh tế – kỹ thuật của nước tiếp nhận dòng đầu tư kiểu ấy gây ra. Do đó, hiệu quả tiếp nhận vốn đầu tư sẽ không như mong đợi, hoặc không tương xứng với chi phí của nước chủ nhà bỏ ra, cả về chi phí tài chính, nhân lực và môi trường, tức “một tiền gà, ba tiền thóc”.

*Thứ ba*, để hấp thụ được 1 USD đầu tư nước ngoài, theo tính toán của các chuyên gia thế giới, nước tiếp nhận cũng phải có sự bỏ vốn đầu tư đối ứng từ 0,5 – 3 USD, thậm chí nhiều hơn. Thêm nữa, lượng ngoại tệ đổ vào trong nước sẽ làm tăng lượng cung tiền tệ lẫn lượng cầu hàng hoá và dịch vụ tương ứng. “Hợp lực” của những yếu tố đó sẽ tạo nên những xung lực lạm phát mới do tính chất “quá nóng” của tăng trưởng kinh tế gây ra.

*Thứ tư*, cần tính đến tác động kinh tế-xã hội và môi trường tổng hợp của các dự án FDI, nhất là các dự án dùng nhiều đất nông nghiệp, tạo áp lực thất nghiệp và là nguồn phát thải, gây ô nhiễm môi trường lớn trong tương lai. Đặc biệt, các dự án xây dựng sân golf ở đồng bằng, vùng đất màu mỡ và những dự án “bán bờ biển” cho các nhà kinh doanh du lịch nước ngoài rất dễ làm tổn thương đến lợi ích lâu dài của các thế hệ tương lai.

## 1.2.2 Thực trạng thu hút và sử dụng vốn FDI

### 1.1.6. Số vốn FDI đăng kí



(Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Năm 2006 cả nước thu hút được 10,2 tỷ USD vốn đăng ký.

Năm 2007 tăng lên 20,3 tỷ USD. Tăng 100% so với năm 2006 với 1406 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Năm 2008 đạt kỷ lục trên 64 tỷ USD, tăng trên 5 lần so với năm 2006 với 1171 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Năm 2009, ước đạt 21,48 tỷ USD bằng 1/3 so với năm 2007.

Trong quý 1 năm 2010 vốn đăng ký là 2,139 tỷ USD, bằng 29% so với cùng kỳ năm 2009.

### 1.1.7. Cơ cấu FDI trong nền kinh tế

#### a) Theo khu vực kinh tế

Khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 56,7%,

Khu vực dịch vụ chiếm 41,8%,

Khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chỉ chiếm 1,2% tổng vốn đăng ký.

Dựa vào số liệu trên, ta nhận thấy có sự phân hóa nguồn vốn FDI ở các khu vực kinh tế. Nguồn vốn FDI chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ; trong khi ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ lệ vốn đầu tư FDI rất thấp.

Ngoài ra, ta cũng có thể nhận thấy hiện trạng sau đây: Luồng vốn FDI vẫn tiếp tục chảy vào lĩnh vực bất động sản và du lịch. Đây là lĩnh vực chiếm rất nhiều diện tích trong đó có cả diện tích đất nông nghiệp có giá trị tăng cao vì nằm ở những khu đô thị lớn, khu công nghiệp tập trung, khu du lịch. Trong các dự án đầu tư vào bất động sản, nguồn vốn thực các doanh nghiệp đầu tư vào chỉ khoảng 15% đến 20%, còn lại chủ yếu là vay của các ngân hàng thương mại và huy động từ khách hàng. Thế nhưng kiểu kinh doanh này lại đem lại lợi nhuận rất cao, làm xuất hiện tình trạng một lượng lớn vốn FDI đổ vào các dự án bất động sản có thể phá vỡ quy hoạch phát triển trong lĩnh vực này và dẫn đến nhiều hệ lụy. Riêng trong năm 2008, ước tính khoảng 30% tổng vốn đầu tư đã thực hiện nằm trong ngành bất động sản và khách sạn, so với 13% đầu tư vào ngành công nghiệp nhẹ và 3% trong ngành nông nghiệp và thực phẩm. Đến năm 2009 con số FDI đầu tư vào bất động sản đã tăng lên 40%. Những khu vực này không tạo được nhiều việc làm và có xu hướng thâm dụng nhập khẩu, gây áp lực lên cán cân thanh toán. Thực trạng này dẫn tới hệ lụy là lạm phát, thất nghiệp đã tác động trực tiếp đến chi phí sinh hoạt và tiền lương thực tế.

#### b) Theo địa phương

Cơ cấu FDI theo vùng có sự chuyển dịch tích cực. Ngoài hai vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Đông Nam Bộ, nguồn vốn FDI thời gian gần đây đã dịch chuyển đáng kể sang một số địa bàn khác thuộc các tỉnh Duyên hải miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long như Ninh Thuận, Hà Tĩnh, Thanh Hoá, Phú Yên, Kiên Giang... là những địa bàn gặp nhiều khó khăn hơn.

#### 1.1.8. *Thực trạng thu hút đầu tư hiện nay*

##### ❖ Về công tác quy hoạch:

Nhiều địa phương cấp phép tràn lan, khai tăng vốn đăng ký của dự án để có thành tích, dẫn đến việc cấp quá nhiều giấy phép cho các dự án có cùng một loại sản phẩm mà không tính đến khả năng của thị trường, gây lãng phí, hiệu quả đầu tư thấp ( đơn cử như trường hợp cấp phép các dự án sản xuất thép, sân Golf, dự án cảng biển...). Các ưu đãi quá mức về thuế (đã biến tướng để tránh các quy định của Nhà nước về thuế), đất đai, lao động... được nhiều tỉnh tự ý “phá rào” đưa ra làm thiệt hại quyền lợi đất nước.

Hiện nay, một số địa phương chạy đua thu hút vốn đầu tư dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh. Các địa phương này tìm mọi cách để thu hút FDI; họ thực hiện những ưu đãi quá mức cần thiết làm cho nguồn tài nguyên thiên nhiên, sinh thái, du lịch vô giá của đất nước có thể bị bán rẻ. Hệ quả là phần lợi nhuận mang lại cho Việt Nam từ FDI không tương xứng với giá trị của nguồn tài nguyên vĩnh viễn bị mất đi. Mặt khác, một số dự án đầu tư không được kiểm duyệt kỹ dẫn đến hậu quả là không

những chất lượng dự án không cao, không tạo ra được nhiều việc làm và giá trị xuất khẩu mà thậm chí còn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Trong khi dòng vốn FDI tiếp tục đổ vào Việt Nam thì số việc làm được tạo ra vẫn có tăng, song chủ yếu lại là lao động rẻ mạt, không có kỹ năng. Theo điều tra năm 2007, các công ty nước ngoài đầu tư ở Việt Nam nhận cả những công nhân mù chữ và đã mở các lớp “xóa mù” chỉ để đảm bảo công nhân có thể đọc được các thông báo an toàn và những chỉ dẫn cơ bản. Về danh nghĩa, các doanh nghiệp FDI được tiếng là thu hút nhiều lao động nhưng thực chất hiện nay các doanh nghiệp này đang tìm cách khai thác triệt để nguồn lao động rẻ tiền, “vắt kiệt” mồ hôi của công nhân mà không quan tâm đào tạo trình độ và kỹ năng cho họ. Trên thực tế, mặc dù khu FDI thu hút 1,7 triệu lao động nhưng đều là những lao động không được đào tạo hoặc chỉ được đào tạo ngắn ngày. Một điểm bất cập khác là dòng vốn đầu tư nước ngoài hầu như chỉ rót vào những ngành có công nghệ tương đối thấp, nặng về lắp ráp, gia công mà một số doanh nghiệp thực chất là các phân xưởng của công ty mẹ bên nước ngoài.

❖ Về vấn đề đất đai và công tác giải phóng mặt bằng:

Công tác giải phóng mặt bằng là mặt hạn chế chậm được khắc phục. Nhiều địa phương đang lâm vào tình trạng khó khăn trong việc bố trí đủ đất cho các dự án quy mô lớn như đã cam kết trước khi cấp phép đầu tư. Việc thu hồi đất, tái định cư, giải phóng mặt bằng và xây dựng các công trình ngoài hàng rào kết nối vào khu vực dự án đầu tư đang là khó khăn lớn nhất đối với việc triển khai một số dự án FDI quy mô lớn hiện nay.

Vấn đề quy mô vốn và diện tích sử dụng đối với một số dự án FDI quy mô lớn cũng đang là vấn đề đặt ra cần phải được xem xét một cách nghiêm túc. Việc khai tăng nhu cầu sử dụng đất sẽ tạo ra áp lực lớn cho nhà nước về tài chính cũng như các vấn đề xã hội trong quá trình giải phóng mặt bằng khu vực dự án, đồng thời cũng gây lãng phí nguồn lực về đất đai của quốc gia vốn ngày càng hạn hẹp. Không nên chia bãi biển cho các dự án quá nhỏ, manh mún (như ở “thành phố resort” Phan Thiết), cũng không nên tạo đặc quyền cho các dự án quá lớn, trải khắp một bãi biển rộng (như đoạn đường từ Đà Nẵng đi Cửa Đại, Hội An), vì như vậy sẽ làm cho các dự án nhỏ không đủ quy mô để phát huy lợi thế về thiên nhiên của địa phương và hiệu quả không cao, còn các dự án lớn thì tạo nguy cơ chiếm dụng đất trong tương lai, khi các bãi biển của chúng ta trở thành những khu du lịch có sức hút, những mảnh đất hiện tại được cấp với giá thấp sau này sẽ biến những người chủ sở hữu trở thành những kẻ thống trị những bãi biển giàu có đó.

❖ Về xúc tiến đầu tư:

Công tác xúc tiến đầu tư trong thời gian qua còn nhiều bất cập, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa thực sự hiệu quả, nội dung và hình thức chưa phong phú, còn chông chéo, mâu thuẫn gây lãng phí nguồn lực.

### 1.1.9. *Thực trạng thực hiện vốn FDI*

#### a) Số vốn FDI thực hiện

Vốn thực hiện của các dự án cũng có sự tăng trưởng đáng kể:

- Năm 2006 là 4,1 tỷ USD
- Năm 2007 đạt 8 tỷ USD
- Năm 2008 đạt 11,5 tỷ USD,( gấp gần 3 lần năm 2006 và đạt mức cao nhất trong hơn 20 năm qua)
- Năm 2009 ước đạt 10 tỷ USD số vốn này chỉ giảm khoảng trên 10% so với năm 2008. Đây là kết quả đáng khích lệ trong điều kiện vốn FDI quốc tế giảm nhiều và FDI của nhiều nước trong khu vực giảm 20-30%. Thực trạng này phản ánh độ tin cậy khá cao của các nhà đầu tư nước ngoài đối với Việt Nam, và với triển vọng tình hình kinh tế - xã hội năm 2010 được dự báo khá lạc quan có thể hy vọng FDI sẽ lại khởi sắc mạnh mẽ tại Việt Nam.

Tuy nhiên tốc độ giải ngân vốn vay còn rất thấp: Tỷ lệ giải ngân so với vốn đăng ký của năm 2006 là 46,6%, năm 2007 là 37,6%, năm 2008 là 17,9% năm 2009 là 46,6% . Báo cáo tình hình FDI 3 tháng đầu năm 2010 vừa được công bố cho thấy, giải ngân vốn FDI trong tháng 3/2010 đã nhảy một bước dài khi đạt kỷ lục 1,4 tỷ USD nâng tổng số vốn FDI giải ngân trong quý 1 năm 2010 lên 2,5 tỷ USD.

Tỷ lệ vốn giải ngân thấp, theo đánh giá của các chuyên gia là một trong những biểu hiện rõ nét nhất của suy giảm kinh tế Việt Nam và tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu đến nước ta cùng với xuất nhập khẩu suy giảm, chứng khoán khó khăn.

Theo tiến sĩ Lê Đăng Doanh “Tốc độ giải ngân không theo kịp nguồn tiền đổ vào khiến chúng ta đang đứng trong một vòng luẩn quẩn. Ngân hàng sẽ tăng lãi suất huy động dẫn đến việc tăng lãi suất cho vay. Gánh nặng này đè lên vai các doanh nghiệp và họ "chia sẻ" nó sang hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ... khiến cho giá cả tăng vọt và kẻ chịu trận cuối cùng chính là người tiêu dùng”.

#### b) Hiệu quả của các dự án đầu tư

Từ khi FDI vào Việt Nam, khối doanh nghiệp có FDI được kỳ vọng sẽ là lực lượng giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tạo vốn và kích thích chuyển giao và đổi mới công nghệ cho nền kinh tế. Nhưng trên thực tế, một báo cáo mới đây của Công ty Chứng khoán Artex, trong giai đoạn 10 năm từ 1999 đến 2009, đặc biệt trong ba năm từ 2007 - 2009, đã đánh giá: “khu vực FDI kém hiệu quả nhất, hầu như các doanh nghiệp FDI đều lỗ”. Tại sao lại như vậy?

Có một bộ phận những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng những hình thức rất tinh vi được gọi là “chuyển giá ” để trốn thuế. Chuyện này thường xảy ra trong các công ty con đặt tại Việt Nam và công ty mẹ đặt tại nước ngoài.

Các cuộc điều tra cũng đã cho thấy, khi nhập hàng vào gia công, các công ty con thường khai khống giá thành nguyên liệu nhập của công ty mẹ lên rất cao và khai thấp đi giá bán hàng khi xuất; kê khai giá nhập thiết bị cao chót vót để rồi hạch toán khấu hao lớn, làm tăng chi phí giá thành sản phẩm, dẫn đến việc trong sổ sách chứng từ kế toán họ triển miên khai thua lỗ.

#### 1.1.10. Tác động đến sự phát triển kinh tế

##### a) Tác động đến môi trường, tài nguyên, sinh thái

Một trong những tác động tiêu cực nhất của FDI đối với nước nhận đầu tư là những ảnh hưởng về môi trường. Hiện nay, hệ thống xử lý nước thải, sự cố tràn dầu,... trong các dự án FDI đều gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ sinh thái trong khi các chương trình giám sát, xử phạt vẫn chưa được thực hiện một cách toàn diện.

FDI cũng ảnh hưởng tới đa dạng sinh thái, sinh học, tài nguyên nước, thủy sản, khí hậu và gia tăng ô nhiễm các lưu vực sông. Các khu công nghiệp mở rộng làm diện tích rừng bị thu hẹp, cuộc sống và nơi cư trú của các động - thực vật hoang dã đã bị xáo trộn, phá hủy.

Sự việc công ty Vedan phá hoại môi trường Việt Nam suốt 14 năm được lấy làm ví dụ điển hình nói về tác động của các doanh nghiệp FDI tới môi trường Việt Nam và việc quản lý của các cấp chính quyền với các dự án đầu tư. Sự vi phạm nghiêm trọng những quy chuẩn về bảo vệ môi trường của nhiều công ty, tổ chức sản xuất kinh doanh hiện nay và sự làm ngơ của chính quyền địa phương đã, đang, và sẽ phá hủy những tài sản chung của xã hội chỉ để phục vụ mục đích riêng của một nhóm người thiểu số.

“Không chỉ có Vedan, thống kê hiện nay trong số hơn 100 khu công nghiệp ở Việt Nam có đến 80% đang vi phạm các quy định về môi trường. Bộ TN&MT đã, đang và sẽ tổ chức nhiều đoàn thanh tra đi khắp các địa phương, lập danh sách đen các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng, có khả năng bị đóng cửa, trong đó sẽ đặc biệt chú ý đến các điểm nóng về môi trường hiện nay như sông Thị Vải, Khánh Hoà, lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy...” - Thứ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cho biết. Sự “đặc biệt chú ý” này có thể giải quyết được bao nhiêu phần trăm tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng đang hiện hữu ở các khu công nghiệp? Và tại sao lại chỉ quan tâm đến những doanh nghiệp gây ô nhiễm “nghiêm trọng”? Chúng ta cần phải có những biện pháp thiết thực chứ không phải là những lời nói suông như thế. Tài nguyên thiên nhiên, sinh thái của nước ta có thể bị bán rẻ cho đến khi có một biện pháp được thực hiện một cách hiệu quả để giải quyết thực trạng này, nếu không thì cái giá phải trả có thể lớn hơn rất nhiều so với lợi nhuận và tốc độ tăng trưởng ngắn hạn.

##### b) Tác động đến dân cư những vùng có dự án đầu tư

Các cộng đồng dân cư nghèo ven biển buộc phải hy sinh nhà cửa, ruộng vườn để nhường chỗ cho những resort 5 sao lộng lẫy hay các sân golf thênh thang, có được đền bù thỏa đáng hay không? Thật sự là không thể không lo ngại khi hàng loạt mảnh đất đặc địa chạy dọc “mặt tiền” bờ biển Quảng Nam, Đà Nẵng đều được “cắt” để “chia lô” cho các dự án resort, sân golf, khu biệt thự có vốn đầu tư nước ngoài.

Khi các dự án đến các địa phương, diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, nông dân - đối tượng đông nhất trong xã hội mà trên 83% lao động chưa qua đào tạo bị mất kế sinh nhai, khiến cho nền kinh tế phải đối mặt với tỷ lệ thất nghiệp ngày càng gia tăng. Tình trạng thiếu việc làm khiến thu nhập và mức sống của nông dân ngày càng



thấp tương đối so với mặt bằng chung của xã hội, làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

#### 1.1.11. *Tình hình đình chỉ, giảm tiến độ, xin rút dự án*

Tình hình đình chỉ, giảm tiến độ, xin rút dự án cũng là một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng chỉ số ICOR của khu vực FDI rất cao, làm giảm hiệu quả đầu tư của khu vực này. Để có cái nhìn toàn diện về vấn đề này, hãy xem xét một số ví dụ sau đây:

Vào thời điểm cấp phép, tháng 3/2007, dự án xây dựng nhà máy thép cán nóng liên doanh trị giá 527 triệu USD của Tập đoàn ESSAR Steel, Ấn Độ (65% vốn) với Tổng Công ty Thép Việt Nam (20% vốn) và Tổng Công ty Cao su Việt Nam (15% vốn) đã hoàn chỉnh hồ sơ mời thầu để có thể khởi công vào cuối năm 2007. Đáng tiếc là việc vay vốn ngân hàng của ESSAR bị trục trặc nên dự án đã không động thổ được. Năm 2008, đối tác này đã đề nghị tạm dừng triển khai dự án để nhượng bớt phần vốn pháp định cho đối tác khác. Đến nay, tập đoàn đã phải xin rút tên ra khỏi dự án và nếu như 2 tổng công ty của Việt Nam không xoay sở được thì dĩ nhiên, dự án cũng có nguy cơ bị huỷ bỏ.

Dự án không lò gần 10 tỷ USD - khu liên hợp thép Cà Ná tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận cũng sẽ bị rút giấy phép đầu tư. Đây cũng là dự án FDI có qui mô vốn lớn nhất từ trước tới nay. Dự án là “sản phẩm” liên doanh giữa Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Vinashine (30% vốn) và Tập đoàn Lion Group - Diverssifie Holding Behard (70% vốn) của Malaysia.

Dự án liên hợp thép Tycoon - E.United ở Dung Quất, Quảng Ngãi, được cấp phép vào tháng 9/2006 với tổng vốn 1,2 tỷ USD, dự án này đã gây xôn xao dư luận và khởi động cho một chuỗi các dự án FDI “tỷ đô” ồ ạt vào Việt Nam sau đó. Thực tế, nhà máy thì chẳng thấy đâu, chỉ thấy sự thay đổi như chong chóng của phía các nhà đầu tư. Ban đầu, chủ đầu tư là liên doanh giữa Tập đoàn Tycoon (Đài Loan) và Jinnan (Trung Quốc). Chỉ sau gần 1 năm, Jinnan đã rút tên khỏi dự án và thay vào đó là Công ty E-United của Đài Loan với tỷ lệ góp vốn là 90%. Tycoon chỉ còn góp 10% vốn, đồng thời, nâng vốn đăng ký đầu tư lên 3 tỷ USD.

Mỗi dự án liên hợp thép đã chiếm ít nhất từ 1000-3000 ha đất, chưa kể diện tích cảng biển và các ngành công nghiệp hỗ trợ. Khi dự án bị treo thì đồng nghĩa một diện tích đất lớn, cái mà nghìn hộ dân đã phải nhường mặt bằng, đã bị chiếm dụng trong nhiều năm, lãng phí hiệu quả kinh tế có thể thu được trên mảnh đất đó, làm lỡ mất cơ hội cho các nhà đầu tư khác đủ năng lực hơn và lỡ cả cơ hội có được lợi nhuận nếu như dự án đúng tiến độ.

Cùng với thép, vốn FDI đổ quá nhiều vào bất động sản nằm trong tầm soi của nhiều chuyên gia kinh tế. Đây là những dự án đầu tư không lành mạnh, không có ích cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, không tạo ra nhiều giá trị gia tăng, không chuyển giao công nghệ cao trong khi lại chiếm dụng nhiều đất đai.

Chẳng hạn như dự án về khách sạn Lotus. Dự án có tổng vốn đầu tư là 500 triệu USD, nằm trong diện các công trình trọng điểm chào đón Đại lễ 1000 năm Thăng Long- Hà Nội. Dự án đã được cấp phép cho nhà đầu tư Riviera Corporation của Nhật Bản vào năm 2007 và nhà đầu tư này đã cam kết sẽ hoàn thành công trình vào cuối năm 2009. Thế nhưng, tin tức trên VietNamNet cho thấy Riviera Corporation đã chính thức có văn bản xin rút tên khỏi dự án. Lý do chính vẫn là không thu xếp được tài chính.

Cũng nằm trong mục tiêu hướng tới đại lễ 1000 năm Thăng Long- Hà Nội và cũng đứng trước nguy cơ đổ bể là dự án tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê cao 65 tầng mang tên Hanoi City Complex của nhà đầu tư Coralis, Luxembourg. Vào thời điểm được cấp phép cuối năm 2006 với tổng vốn đăng ký 114 triệu USD, tổ hợp này đã được quảng cáo hoa mỹ là toà nhà chọc trời của Hà Nội, là dự án có qui mô vốn FDI lớn nhất của Hà Nội. Nhà đầu tư đã cam kết sẽ triển khai trong 3 năm và phân đầu hoàn thành trước năm 2010.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch đầu tư đã bóc tách các con số này: năm 2008, ước khoảng 70% vốn của các dự án FDI đều là vốn vay, trong đó, một phần không nhỏ là vay trong nước. Một trong các hệ lụy, theo phân tích của chuyên gia kinh tế Lê Đăng Doanh, là số vốn FDI được công bố không phản ánh đúng đồng vốn thực mà các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Điều này dẫn đến khi nguồn vốn trong nước bị thiếu hụt thì các dự án cũng chỉ có cách là nằm chờ hoặc rút lui. Hậu quả để lại, tất nhiên lại là nhân dân. Đây là hệ quả của việc cấp phép dễ dãi tại các địa phương. Việc thẩm định năng lực chủ đầu tư của chính quyền cấp tỉnh rõ ràng là có vấn đề.

Nhìn chung, tuy Việt Nam thu hút được nhiều vốn FDI nhưng sự phân bổ vốn lại không đều giữa các ngành, nghề, các thành phần kinh tế. Việc giải ngân vốn cũng chưa hiệu quả, quy trình xem xét và thẩm định dự án còn nhiều bất cập. Các yếu tố trên dẫn đến kết quả là việc sử dụng vốn FDI của Việt Nam không hiệu quả.

### **1.2.3 Nguyên nhân sử dụng vốn FDI không hiệu quả**

Bên cạnh những nguồn lực nội tại của ngành kinh tế, FDI giữ một vai trò quan trọng, góp phần làm tăng tổng vốn đầu tư, tăng kim ngạch xuất khẩu, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, góp phần thu ngân sách nhà nước và ổn định kinh tế vĩ mô. Một câu hỏi được đặt ra là: liệu nguồn vốn này đã được sử dụng một cách hiệu quả? Theo dõi số liệu kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO thì chúng ta dễ dàng nhận thấy lượng vốn đầu tư đã gia tăng đáng kể, với mức kỉ lục của năm 2008 hơn 64 tỉ USD. Nhưng lượng giải ngân chưa nhiều; việc sử dụng vốn chưa thực sự đạt hiệu quả.

Ta có hai chỉ số chính để đo lường hiệu quả của đầu tư FDI: ICOR (đo lường hiệu quả đầu tư, tính trên lượng vốn cần tăng thêm để đạt mức gia tăng một đơn vị sản lượng) và TFP (hệ số năng suất các nhân tố tổng hợp). ICOR càng cao thì càng là dấu

hiệu xấu, chứng tỏ vốn đầu tư trở thành yếu tố quá quan trọng trong khi các nhân tố tăng trưởng khác lại không phát huy. Ngược lại, TFP càng cao càng là dấu hiệu tốt. Trong 10 năm (1999-2009), ICOR của khu vực nhà nước, tư nhân và FDI lần lượt là: 7,76; 3,54; và 7,91. Nhìn ra thế giới, ICOR trung bình của nhóm tăng trưởng cao chỉ có 3,6. Vậy Khối FDI có chỉ số ICOR cao nhất và điều đó chứng tỏ hiệu quả là thấp nhất. Còn về khía cạnh chuyển giao công nghệ, giai đoạn 2004-2009, hệ số TFP của các khu vực kinh tế nhà nước, tư nhân và doanh nghiệp có FDI lần lượt là: 8,6; 3,1 và -17,6. Hệ số TFP của khối nhà nước cao nhất cho thấy mặc dù vốn đầu tư rót vào khu vực này nhiều (đầu tư không hiệu quả) nhưng sự chuyển giao công nghệ là có thật. Nói cách khác, doanh nghiệp công “cũng có mang lại đổi mới công nghệ”. Trong khi ở khối FDI thì chỉ số này lại âm (-17,6). “Nhu thế nghĩa là ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, sự tăng trưởng chủ yếu nhờ các yếu tố khác, ví dụ lao động rẻ mạt, chứ không phải do công nghệ. Trên thực tế, khảo sát ở nhiều doanh nghiệp FDI cho thấy máy móc, công nghệ được đối tác nhập vào Việt Nam đều cũ kỹ hoặc đã khấu hao hết”.

Đó là một thực trạng đã và đang tồn tại. Bên cạnh đó, việc sử dụng nguồn vốn này còn gặp nhiều khó khăn, báo điện tử Vneconomy có điểm qua các “nút thắt” lớn trong vấn đề này:

**Thứ nhất**, hệ thống luật pháp, chính sách về đầu tư, kinh doanh vẫn còn một số điểm thiếu đồng bộ và nhất quán giữa các luật chung và luật chuyên ngành. Bên cạnh đó thủ tục hành chính rườm rà, nhiều khâu là một cản trở không nhỏ. Bài “Thủ tục hành chính “ngáng chân” doanh nghiệp FDI” số ra ngày 21/05/2009 trên báo Đời sống & Pháp Luật: “Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam cho hay, qua khảo sát ý kiến thì có 5% doanh nghiệp Hàn Quốc có ý định giảm qui mô kinh doanh ở Việt Nam và có 2% doanh nghiệp muốn chuyển đầu tư từ Việt Nam sang nước khác.” Thủ tục hành chính phức tạp như chuyện giải thích về luật rất khác nhau là một trong những lý do lớn để số doanh nghiệp Hàn Quốc này muốn rời bỏ Việt Nam trong tương lai.

**Thứ hai**, công tác quy hoạch lãnh thổ, ngành nghề, lĩnh vực, sản phẩm còn yếu và thiếu, đặc biệt trong bối cảnh phân cấp triệt để việc cấp phép và quản lý đầu tư về các địa phương, dẫn đến tình trạng mất cân đối chung.

**Thứ ba**, sự yếu kém của hệ thống cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào là nhân tố quan trọng gây tâm lý lo ngại của các nhà đầu tư. Thông thường các nhà đầu tư tính toán, thực hiện tiến độ xây dựng công trình dự án theo tiến độ xây dựng công trình hạ tầng ngoài hàng rào, đặc biệt là hệ thống cấp điện, nước, đường giao thông, cảng biển phục vụ nhu cầu sản xuất và xuất nhập khẩu hàng hóa để tránh tình trạng công trình dự án xây dựng xong không đưa vào vận hành được do hệ thống cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào không đáp ứng yêu cầu,

**Thứ tư**, tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực đã qua đào tạo, đặc biệt là công nhân kỹ thuật và kỹ sư ngày càng rõ rệt, không chỉ xảy ra ở các khu kinh tế mới hình thành như Chân Mây, Dung Quất, Nhơn Hội... mà còn ở cả những trung tâm công nghiệp như Hà Nội, TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương...

Theo nguồn tin từ trang tinmoi.vn thì việc tìm kiếm lao động lành nghề, nhân lực quản lý cấp trung gian có trình độ là vấn đề đau đầu của đa số các Doanh nghiệp FDI. Phó Chủ tịch Hiệp hội DN Thái Lan tại Việt Nam, ông Panat Krairojananan lo lắng, các DN nước ngoài khi mới đến Việt Nam, đôi khi vẫn phải thuê người nước ngoài vào làm, bởi lẽ họ khó mà tìm được người giỏi ở Việt Nam ngay. Tuy nhiên, mức thuế thu nhập cá nhân đối với lao động nước ngoài khá cao, xu hướng sắp tới là công ty Thái Lan sẽ phải cắt giảm lao động nước ngoài và họ sẽ phải tìm người Việt Nam cho các vị trí quan trọng. Thế nhưng, đây là việc vốn dĩ vô cùng khó, bởi vì: “Một số sinh viên Việt Nam đã ra trường mà những tính toán cơ bản lại không tính được”( Harry Beirnaert, Chủ tịch Hiệp hội DN Bỉ - Luxembourg tại Việt Nam).

Trong thực tế, các doanh nghiệp nước ngoài hầu như chỉ mới khai thác nguồn lao động chi phí thấp chứ chưa thực hiện nhiều việc chuyển giao kỹ thuật công nghệ cao và đào tạo nhân lực để phát triển công nghiệp nội địa. TS. Nguyễn Quang Hồng, Đại học Kinh tế quốc dân đã dẫn kết quả một cuộc khảo sát của Diễn đàn phát triển Việt Nam (VDF) được thực hiện trong hơn 100 doanh nghiệp điện tử gần đây, cho thấy các công ty trong nước tuyển dụng từ 10 – 64% lao động có trình độ cao đẳng trở lên, trong khi đó con số tuyển dụng cùng trình độ tương ứng ở khu vực FDI chỉ ở mức từ 4 - 10%.

Sau sự kiện Công ty Sanyo thành lập nhà máy sản xuất linh kiện điện tử đầu tiên bằng vốn FDI, các ngành công nghiệp Việt Nam cơ bản vẫn chỉ sản xuất được những mặt hàng đơn giản, những sản phẩm công nghệ cao cũng mới chỉ là lắp ráp. Chính vì các công đoạn cần kỹ thuật cao chưa phải do lao động Việt Nam đảm nhận, nên việc học hỏi, tích lũy kinh nghiệm qua thực tế sản xuất ở các doanh nghiệp FDI của nhân lực trong nước chưa được nhiều. Xu hướng của các doanh nghiệp sử dụng lao động nước ngoài đang tăng lên, trong đó gần 50% lao động phổ thông và chỉ có gần 45% có trình độ đại học trở lên.

Báo cáo của Nhóm nghiên cứu Viện Kinh tế Tp.HCM (nay là Viện Nghiên cứu phát triển), cho biết lao động không có chuyên môn kỹ thuật tại Tp.HCM đến năm 2010 chiếm tỷ lệ khoảng 65,6%; lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật kể cả công nhân kỹ thuật, trung cấp, cao đẳng và đại học chỉ khoảng 34,4%. Vì vậy, vấn đề cấp thiết hiện nay là phải có giải pháp để tăng cường năng lực kỹ thuật cho lao động Việt Nam để tiếp thu công nghệ từ các doanh nghiệp FDI.

**Thứ năm**, công tác giải phóng mặt bằng là mặt hạn chế chậm được khắc phục trong môi trường đầu tư của ta. Trên thực tế, công tác quy hoạch sử dụng đất đã được các địa phương quan tâm nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ với quy hoạch ngành, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói chung và yêu cầu thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn FDI nói riêng. Nhiều địa phương đang lâm vào tình trạng khó khăn trong việc bố trí đủ đất cho các dự án quy mô lớn như đã cam kết trước khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Việc đền bù thu hồi đất, tái định cư, giải phóng mặt bằng và xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào kết nối vào khu vực dự án đầu tư đang là khó khăn lớn nhất đối với triển khai một số dự án FDI quy mô lớn hiện nay, đặc biệt đối với dự án 100% vốn nước ngoài. Bên cạnh đó là tình trạng cho thuê đất với “giá rẻ bất ngờ” của một số địa phương, điển hình là vụ việc xảy ra ở tỉnh Quảng Nam. Tỉnh này đã cho một doanh nghiệp nước ngoài thuê đất với giá 2,75 đồng một năm trên 1 mét vuông, rẻ hơn gấp nhiều lần so với giá 1 điều thuốc lá- báo điện tử Vietnamnet đã đưa tin.

**Thứ sáu,** chủ trương phân cấp trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đầu tư nước ngoài là đúng đắn. Tuy nhiên, trong điều kiện hệ thống quy hoạch chưa đồng bộ, kịp thời, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ nhà nước trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài tại một số địa phương còn yếu, thiếu và chưa đồng bộ nên đã nảy sinh vấn đề cạnh tranh thiếu lành mạnh trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, thiếu sự liên kết vùng, khu vực, ảnh hưởng đến cơ cấu ngành, lĩnh vực đầu tư.

Một số địa phương không thăm tra kỹ về năng lực của các nhà đầu tư trong các dự án có quy mô lớn, chạy đua với nhau trong việc cấp phép các dự án lớn có quy mô hàng tỷ USD. Do vậy, khả năng triển khai các dự án này sẽ rất khó khả thi theo đúng cam kết của nhà đầu tư.

**Thứ bảy,** việc xử lý chất thải của các dự án đầu tư nước ngoài tập trung tại các khu công nghiệp tập trung thuộc vùng kinh tế trọng điểm đã và đang ảnh hưởng nhất định đến môi trường tự nhiên cũng như xã hội, trong đó đặc biệt là đối với các dự án sản xuất quy mô lớn.

**Cuối cùng,** công tác xúc tiến đầu tư trong thời gian qua còn nhiều bất cập, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa thực sự hiệu quả, nội dung và hình thức chưa phong phú, còn chồng chéo, mâu thuẫn gây lãng phí nguồn lực. Nguyên nhân chính là do chưa có một chiến lược tổng thể về xúc tiến đầu tư, làm cho công tác xúc tiến đầu tư thiếu một tầm nhìn dài hạn, có tính hệ thống; trình độ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư còn hạn chế, thiếu cơ sở vật chất và điều kiện hoạt động; công tác quản lý nhà nước và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong công tác xúc tiến đầu tư chưa thực sự hiệu quả, nhiều nội dung chưa được xác định rõ ràng do còn thiếu một văn bản pháp luật quy định cụ thể về vấn đề này.

Cũng theo bài “Cảnh báo hiệu quả của FDI” trên trang đời sống & Pháp luật, hiệu quả đầu tư thấp còn có nguyên nhân rất lớn từ phía công tác quản lý, thanh tra, giám sát trong đầu tư và xây dựng ở các ngành, các cấp rất yếu kém. Việc thẩm định các dự án đầu tư nước ngoài ở các địa phương đang “thoảng” tới mức không cần nhắc thật cần trọng ba yếu tố máu chó: quỹ đất; vấn đề đào tạo và sử dụng lao động tại chỗ; chất lượng sản phẩm đầu ra. Hai yếu tố sau có liên quan trực tiếp tới công nghệ. Tuy nhiên việc “thoảng” như thế đã gây ra hệ quả là các công ty ở Việt Nam giống như các “phân xưởng” của công ty mẹ ở nước ngoài: lương lao động rất rẻ, bệnh nghề nghiệp nhiều.

Có nhà máy mấy chục ngàn công nhân mà chỉ khoảng ba chục người được đi nước ngoài vài tuần gọi là “đào tạo”, nhập các máy móc, trang thiết bị cũ kỹ, lạc hậu. Như vậy việc quản lý yếu kém của các nhà chức năng đã dẫn tới việc biến nước ta thành nơi chứa đựng các thiết bị lạc hậu và tạo cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài tận dụng nguồn nhân công rẻ mạt ở nước ta để sinh lợi cho họ. Chính “Bộ KH-ĐT cũng thừa nhận rằng phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ quản lý đầu tư và xây dựng còn kém, thường lợi dụng những kẽ hở của cơ chế chính sách, lợi dụng chức quyền, vị trí công tác để trục lợi bất chính nhưng lại chưa được xử lý triệt để.”- theo báo [dautuxaydung.com](http://dautuxaydung.com).

Như vậy để đạt được hiệu quả cao có lẽ phải bắt đầu từ việc xem lại cơ chế chính sách trong quản lý đầu tư và tính nghiêm minh trong việc thực thi pháp luật. Đồng thời việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng cũng là một vấn đề cấp thiết cần quan tâm.

### **1.3 KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1.3.1 Kiến nghị**

#### **1.3.2 Giải pháp**

Trên cơ sở những phân tích tổng quan, tình hình, thực trạng sử dụng FDI ... ở Việt Nam, các nhà kinh tế, các chủ doanh nghiệp, các chuyên viên phân tích đã đưa ra một số giải pháp để giải quyết tình trạng sử dụng nguồn vốn FDI sẵn có không hiệu quả như sau:

Thứ nhất, cơ sở hạ tầng cần được nâng cấp nhanh chóng, đặc biệt là các cảng biển và nhà máy điện. Mạnh dạn hơn nữa trong việc cho phép và khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia phát triển hạ tầng, nhất là những công trình hạ tầng đang xây dựng dở dang và đã kéo dài nên được hoàn thành tránh sự lãng phí không đáng có.

Thứ hai, rất nhiều ý kiến từ phía các doanh nghiệp và các đối tác nước ngoài có liên quan đều lo ngại về những luật lệ và quy định mới, do đó cần đẩy mạnh cải cách hành chính, bãi bỏ các thủ tục không cần thiết.

Thứ ba, cần công khai, minh bạch mọi chính sách, cơ chế quản lý. Trong đó, cần rà soát lại các văn bản phát quy liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, sửa đổi các văn bản cho phù hợp với quy định của WTO.

Thứ tư, từng bước đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo để phát triển nguồn nhân lực. Phải xác định cho đúng những đối tượng cần được đào tạo và đào tạo lại, tránh tình trạng đào tạo tràn lan mà không biết sử dụng vào việc gì. Đẩy mạnh việc xây dựng đội ngũ lao động đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có chất lượng và tay nghề cao phục vụ cho nhu cầu của cả nước và xuất khẩu.

Thứ năm, cần xây dựng những quy định cụ thể, chặt chẽ để ngăn chặn các hoạt động huy động vốn đầu tư trong nước của các nhà đầu tư nước ngoài ở nhiều dự án, nhất là các dự án bất động sản xây dựng căn hộ và văn phòng cho thuê. Hình thức này đang gây ra tình trạng thu hút vốn của các doanh nghiệp trong nước, tạo thêm trở ngại cho việc phát triển khu vực kinh tế trong nước trong điều kiện khó khăn hiện nay. Đặc biệt, các cơ quan quản lý cần chú trọng hơn nữa đến những ảnh hưởng về môi trường và các thiệt hại về tài nguyên trong việc cấp phép các dự án FDI; giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết không gây ô nhiễm môi trường của các dự án đầu tư; nghiêm khắc xử lý những hành vi gây ảnh hưởng đến môi trường, làm thiệt hại lợi ích của nhân dân.

Để tận dụng những lợi thế và biến thách thức thành thời cơ trong thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn FDI, nhiều chuyên gia cho rằng, cần tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, và đẩy mạnh giải ngân, trong đó chú trọng đến các địa phương có tiềm năng, song chưa tạo được bước đột phá trong thu hút FDI. Tập trung giải quyết những yếu kém về kết cấu hạ tầng giao thông, điện nước; về nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng; về năng lực của bộ máy quản lý nhà nước; tháo gỡ những khó khăn về thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn FDI đăng ký. Cần rà soát chặt chẽ và kiên quyết xử lý những dự án "treo" kéo dài, chủ đầu tư không có khả năng thu xếp vốn, dự án chuyển đổi mục đích... tạo cơ hội cho các đối tác khác vào đầu tư, tránh lãng phí về cơ sở hạ tầng, mặt bằng sản xuất, kinh doanh.